TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LÊ CHÂN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST Ngày 05-3-2024 V/v tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Bích Lý

Bà Phạm Thị Bích Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Hoàng Hải Binh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà*:* Ông Bùi Tuấn Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 153/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về "tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 118/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 131/2024/TB-TA ngày 19 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Thùy D; nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D1; nơi cư trú: Số A Chợ Đ, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 05 tháng 10 năm 2023, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Thùy D trình bày:

Năm 2020, do vợ chồng mâu thuẫn nên chị Phạm Thị Thùy D và anh Nguyễn Văn D1 đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện An dương, thành phố Hải Phòng. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 71/2020/QĐST- HNGĐ ngày 27/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện An Dương đã công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn D1 và chị Phạm Thị Thùy D. Về con chung, Tòa án đã giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Nguyễn Hồng A, sinh ngày 31/5/2005 và Nguyễn Quỳnh A1, sinh ngày 28/10/2011 đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con anh D1 và chị D tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ sau khi ly hôn đến nay, chị Phạm Thị Thùy D nhiều lần yêu cầu anh Nguyễn Văn D1 thực hiện trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận tự nguyện giữa anh D1 với chị D (chị D có trách nhiệm cấp dưỡng cho con Nguyễn Hồng A, anh D1 có trách nhiệm cấp dưỡng cho con Nguyễn Quỳnh A1), nhưng anh D1 không thực hiện đầy đủ, mặc dù anh D1 là người có thu nhập cao, ổn định.

Vì vậy, nay do chị D gặp nhiều khó khăn về kinh tế, nhu cầu sinh hoạt, học tập của các con cần nhiều chi phí, nên chị D có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án yêu cầu anh D1 phải có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị với số tiền 6.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi các con trưởng thành.

Tại Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn D1 trình bày:

Anh D2 và chị D ly hôn từ tháng 3/2020, sau khi ly hôn các con ở cùng chị D theo đúng nội dung quyết định của Tòa án. Sau khi ly hôn, anh D2 thừa nhận hai bên có tự thỏa thuận chị D có trách nhiệm cấp dưỡng cho con lớn, anh D2 có trách nhiệm cấp dưỡng cho con nhỏ. Từ đó đến nay, anh D2 vẫn đóng các khoản tiền học phí cho con Nguyễn Quỳnh A1 với số tiền khoảng 2.000.000 đồng/tháng. Nay chị D có đơn khởi kiện yêu cầu anh có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cả hai con, anh D2 không đồng ý.

Tại phiên tòa, chị Phạm Thị Thùy D có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là buộc anh D2 có trách nhiệm cấp dưỡng cho con Nguyễn Hồng A với số tiền 6.000.000 đồng/tháng. Anh Nguyễn Văn D1 giữ nguyên quan điểm như đã nêu trong đơn khởi kiện, bản tự khai của mình và đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Đồng thời phát biểu quan điểm về nội dung giải quyết vụ án trên cơ sở đánh giá, phân tích các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập theo quy định của

pháp luật, quan điểm trình bày tại phiên tòa của anh D1 về chi phí cấp dưỡng đối với con Nguyễn Quỳnh A1 (khoảng từ 5.000.000 đồng/tháng đến 6.000.000 đồng/tháng), mức thu nhập ổn định lương cơ bản của anh D1 và căn cứ vào mức chi phí thực tế phục vụ nhu cầu sinh hoạt, học tập của các con chung, Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân đủ cơ sở kết luận và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thùy D buộc anh Nguyễn Văn D1 phải có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng cho chị D nuôi con Nguyễn Quỳnh A1, sinh ngày 28/10/2011 đến khi trưởng thành với mức tiền cấp dưỡng từ 4.000.000 đồng/tháng đến 5.000.000 đồng/tháng. Đình chỉ đối với yêu cầu của chị D buộc anh Nguyễn Văn D1 phải đóng góp tiền cấp dưỡng cho con Nguyễn Hồng A, sinh ngày 31/5/2005, do chị D rút yêu cầu.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật. Chị Phạm Thị Thùy D được miễn án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 5 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn D1; nơi cư trú: Số A Chợ Đ, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[2] Ngày 27/3/2020 Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đã ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 71/2020/QĐST-HNGĐ với nội dung về con chung giao cho chị Phạm Thị Thùy D nuôi dưỡng cả 02 con chung là Nguyễn Hồng A, sinh ngày 31/5/2005 và Nguyễn Quỳnh A1, sinh ngày 28/10/2011 đến khi mỗi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con anh D1 và chị D tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Quá trình sau khi ly hôn, anh D1 và chị D đều xác nhận đã tự thỏa thuận chị D có trách nhiệm cấp dưỡng cho con Nguyễn Hồng A, anh D1 có trách nhiệm cấp dưỡng cho con Nguyễn Quỳnh A1 cho đến khi các con trưởng thành. Tuy nhiên, chị D cho rằng đã thực hiện đúng nghĩa vụ, anh D1 chưa thực hiện đúng nghĩa vụ mà hai bên đã cam kết. Vì vậy, chị D có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án yêu cầu anh D1 phải có trách nhiệm đóng góp cho chị số tiền 6.000.000

đồng/tháng tiền cấp dưỡng nuôi con đối với con Nguyễn Quỳnh A1 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[4] Đánh giá các tài liệu do chị D giao nộp tại Tòa án cho thấy các chi phí nuôi dưỡng các con Nguyễn Hồng A, Nguyễn Quỳnh A1 vượt quá khả năng kinh tế của chị D. Cụ thể: Đối với con Nguyễn Hồng A đang học tại trường Đại học Y tổng số tiền chu cấp khoảng 11.600.000 đồng/tháng (bao gồm: Tiền thuê nhà 2.000.000 đồng/tháng; tiền học phí 3.600.000 đồng/tháng; tiền ăn 4.500.000 đồng/tháng; tiền điện nước, đi lại, sinh hoạt 1.500.000 đồng) và đối với con Nguyên Quỳnh A2 tổng số tiền chu cấp khoảng 7.400.000 đồng (bao gồm: Tiền chi phí học tập 1.500.000 đồng/tháng; tiền ăn uống, sinh hoạt 5.900.000 đồng)

[5] Đánh giá các tài liệu do anh D1 giao nộp tại Tòa án cho thấy anh D1 có chu cấp tiền học cho con Nguyễn Quỳnh A1 khoảng 2.000.000 đồng/ tháng, không chu cấp cho con Nguyễn Hồng A. Tại Hợp đồng lao động số 20230650 ngày 06/5/2023 và Bảng chi tiết thanh toán lương cho nhân viên của Công ty TNHH P (địa chỉ trụ sở: K P, phường K, quận H, thành phố Hà Nội) thể hiện lương cơ bản của anh D1 06 tháng liên tiếp là 13.000.000 đồng/tháng và thu nhập bình quân thực tế 6 tháng liên tiếp của anh D1 khoảng 18.000.000 đồng/tháng. Điều đó cho thấy thu nhập của anh D1 ổn định với mức cao. Ngoài ra, tại phiên tòa anh D1 xác nhận hiện tại anh không phải cấp dưỡng cho ai (bố mẹ đẻ anh đều có lương hưu và đang sống cùng anh trai anh, anh đã kết hôn với người khác chưa có con chung và sống độc lập về kinh tế). Anh D2 cũng thừa nhận mức chi phí thực tế hiện tại đối với con Nguyễn Quỳnh A1 vào khoảng từ 5.000.000 đồng/tháng đến 6.000.000 đồng/tháng. Điều đó cho thấy anh D2 có đủ điều kiện thực hiện cấp dưỡng cho con Nguyễn Quỳnh A1 theo đúng thỏa thuận của anh, chị và phù hợp với mức pháp luật quy định nhằm đảm bảo những nhu cầu thiết yếu để chị D nuôi dưỡng con chung.

[6] Đánh giá ý kiến trình bày của ông Phạm Văn M, bà Ngô Thị N (bố, mẹ đẻ của chị D) và các con Nguyễn Hồng A, Nguyễn Quỳnh A1 đều cho thấy thực tế trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng của anh D2 chưa đầy đủ riêng đối với con Nguyễn Quỳnh A1 và thiếu quan tâm đối với con Nguyễn Hồng A, mặc dù con Nguyễn Hồng A đã trưởng thành, nhưng vẫn đang còn sinh hoạt, học tập xa nhà, chưa có thu nhập riêng phụ thuộc hoàn toàn vào chu cấp của chị D. Hiện tại, con Nguyễn Quỳnh A1 vẫn giữ nguyên nguyện vọng được ở với mẹ và chị gái.

[7] Tại phiên tòa, chị D có đơn và có quan điểm rút yêu cầu buộc anh Nguyễn Văn D1 phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con đối với con Nguyễn Hồng A. Việc rút một phần yêu cầu của chị D là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Do vậy, từ phân tích đánh giá trên cho thấy việc chị D một mình phải chu cấp kinh tế để nuôi dưỡng cả hai con sẽ gặp nhiều khó khăn, bản thân anh D1 chưa thực hiện việc cấp dưỡng đầy đủ theo đúng thỏa thuận của anh D1 với chị D về

trách nhiệm chăm sóc con Nguyễn Quỳnh A1, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình có đủ cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thùy D buộc anh Nguyễn Văn D1 phải có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng cho con Nguyễn Quỳnh A1 với số tiền 5.000.000 đồng/tháng (Năm triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Đình chỉ yêu cầu của chị Phạm Thị Thùy D buộc anh Nguyễn Văn D1 cấp dưỡng cho Nguyễn Hồng A với số tiền 6.000.000 đồng/tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về án phí:

[9] Anh Nguyễn Văn D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật. Chị Phạm Thị Thùy D được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật do chị D yêu cầu cấp dưỡng cho con chưa thành niên và có đơn xin miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 19, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thùy D.

Buộc anh Nguyễn Văn D1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với con Nguyễn Quỳnh A1, sinh ngày 28/10/2011 số tiền là 5.000.000 đồng/tháng (năm triệu đồng/tháng) kể từ tháng 3/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ yêu cầu của chị Phạm Thị Thùy D về việc buộc anh Nguyễn Văn D1 phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con đối với con Nguyễn Hồng A, sinh ngày 31/5/2005 là 6.000.000 đồng/tháng (sáu triệu đồng/tháng).

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn D1 phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng định kỳ. Miễn án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu cấp dưỡng cho chị Phạm Thị Thùy D.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Thùy D, anh Nguyễn Văn D1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Lê Chân;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đỗ Đức Hoàng